

Số: Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4369/SNN-CCPTNT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum” (sau đây viết gọn là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁾, Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết gọn là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Để thực hiện nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành: “Quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum” (Kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023). Tại khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND quy định: “Mẫu hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng: Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH”.

Hiện nay Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH đã được thay thế bằng Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH **không còn quy định** về mẫu hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng. Vì vậy, việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng

⁽¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

nhân dân tỉnh **sửa đổi, bổ sung** khoản 2 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo tại Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND là cần thiết, phù hợp với khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽²⁾; thống nhất với ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 72/TB-TTHĐND ngày 18 tháng 11 năm 2024⁽³⁾.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh:

Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh được thể hiện qua tên gọi và Điều 1 dự thảo Nghị quyết là không thống nhất. Cụ thể, với tên gọi dự thảo Nghị quyết, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết là: “*Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND...*”. Tuy nhiên, Điều 1 dự thảo Nghị quyết thể hiện việc bãi bỏ khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND. Do phạm vi điều chỉnh được thể hiện qua tên gọi và Điều 1 dự thảo không có sự thống nhất, nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 72/TB-TTHĐND để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất.

Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bãi bỏ khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị quyết để đảm bảo thống nhất giữa tên gọi và nội dung của dự thảo. Bên cạnh đó, khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh việc bãi bỏ khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, làm rõ việc không trình Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung theo Thông báo số 72/TB-TTHĐND của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Cơ quan chủ trì soạn thảo cũng cần làm rõ, khi không tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh quy định “*Mẫu hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng*”, việc đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện theo mẫu hồ sơ nào.

2.2. Đối tượng áp dụng

Do là văn bản sửa đổi, bổ sung nên không làm phát sinh đối tượng áp dụng mới (*Đối tượng áp dụng đã được quy định tại Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND*).

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp,

⁽²⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁽³⁾ Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn tại Thông báo số 05/TB-TTHĐND ngày 20 tháng 02 năm 2024.

tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên do có sự mâu thuẫn giữa tên gọi và Điều 1 dự thảo Nghị quyết nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiến hành chỉnh lý và thực hiện các đề nghị được Sở Tư pháp nêu tại điểm 2.1 mục 2 của Báo cáo này.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy, văn bản đã được trình bày đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽⁴⁾; Mẫu số 36 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, tên gọi của văn bản đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽⁵⁾.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục rút gọn.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết **chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh** xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được cơ quan thẩm định nêu trong Báo cáo này (*Lưu ý, trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục gửi hồ sơ tới Sở Tư pháp để thẩm định nội dung được dự kiến sửa đổi, bổ sung*).

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁶⁾.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi Báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁷⁾.

⁽⁴⁾ Sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

⁽⁵⁾ Trường hợp là văn bản bãi bỏ cũng thực hiện tương tự.

⁽⁶⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁽⁷⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum*”. Kính gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông ;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng